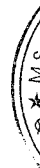


Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 31

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Ninh Quốc Cường	Thành viên	
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Chương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Lưu Công An	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Phương Thúy	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2017
Bà Trần Thị Đức Hạnh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
		miễn nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2017
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2017 là ông Phạm Trí Dũng và từ ngày 20 tháng 4 năm 2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn.

Ông Lưu Công An, Giám đốc Công ty, được Ông Phạm Anh Tuấn ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 20/04/UQ/STV ngày 20 tháng 4 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 9 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Giám đốc
Lưu Công An

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61141842/19317503

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 9 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

1/8/18
U
M
JH
/ 8 / 18

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề cần nhấn mạnh

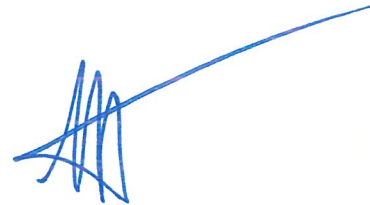
Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 9 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		205.748.058.037	132.300.652.415
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.933.496.983	5.840.143.214
111	1. Tiền		1.933.496.983	4.340.143.214
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.500.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.381.058.673	5.858.303.525
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	5.403.346.792	6.555.327.742
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	326.578.750	3.152.391.553
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	15.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		284.029.604	38.290.715
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(4.132.896.473)	(3.887.706.485)
140	III. Hàng tồn kho		177.128.995.765	113.414.308.882
141	1. Hàng tồn kho	7	177.128.995.765	113.414.308.882
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		9.304.506.616	7.187.896.794
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		108.868.001	71.338.031
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.014.873.031	7.116.558.763
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	180.765.584	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		58.922.853.462	32.718.998.586
220	I. Tài sản cố định		21.165.169.075	20.324.296.355
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.652.420.388	20.324.296.355
222	Nguyên giá		54.455.783.972	52.286.213.850
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.803.363.584)	(31.961.917.495)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.512.748.687	-
228	Nguyên giá		3.572.286.800	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.538.113)	-
230	II. Bất động sản đầu tư	10	4.883.841.991	4.888.662.796
231	1. Nguyên giá		11.149.247.084	10.104.745.684
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.265.405.093)	(5.216.082.888)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	413.150.962
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	5.363.277
242	2. Xây dựng cơ bản dở dang		-	407.787.685
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	26.258.199.852	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		29.997.000.000	-
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.738.800.148)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.615.642.544	7.092.888.473
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.615.642.544	7.092.888.473
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		264.670.911.499	165.019.651.001

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		89.953.266.289	40.204.960.134
310	I. Nợ ngắn hạn		89.953.266.289	40.204.960.134
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	47.044.905.981	36.670.354.022
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		44.099.000	131.641.799
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	98.359.002	735.696.745
314	4. Phải trả người lao động		3.964.750.615	1.978.297.569
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		44.000.000	44.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.079.031.712	530.108.974
320	7. Vay ngắn hạn	16	37.000.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	678.119.979	114.861.025
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.717.645.210	124.814.690.867
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	174.717.645.210	124.814.690.867
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		110.000.000.000	65.127.500.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		110.000.000.000	65.127.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(176.913.636)	(60.050.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.886.019.271	12.916.711.658
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.008.539.575	46.830.529.209
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kì trước		43.933.939.642	22.133.436.495
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kì này		6.074.599.933	24.697.092.714
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		264.670.911.499	165.019.651.001

PM

Người lập biểu
Phạm Thị Duyên

HL

Kế toán trưởng
Cao Hoàng Lan



Giám đốc
Lưu Công An


Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	178.969.706.941	149.613.061.026
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19.1	178.969.706.941	149.613.061.026
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	158.708.685.151	113.207.960.456
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		20.261.021.790	36.405.100.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	231.211.841	2.962.828.925
22	7. Chi phí tài chính	21	4.336.966.814	231.617
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		598.166.666	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.428.094.767	2.744.307.728
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.132.802.554	8.246.123.167
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		6.594.369.496	28.377.266.983
31	11. Thu nhập khác		57.929.060	65.118.125
32	12. Chi phí khác		7.269.858	51.595.029
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		50.659.202	13.523.096
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		6.645.028.698	28.390.790.079
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	570.428.765	2.693.697.365
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		6.074.599.933	25.697.092.714


Người lập biểu
Phạm Thị Duyên


Kế toán trưởng
Cao Hoàng Lan


Giám đốc
Lưu Công An

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.645.028.698	28.390.790.079
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	8,9,10	6.108.311.218	6.287.227.171
03	Các khoản dự phòng		3.983.990.136	752.663.100
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(688.540)	231.617
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(230.523.301)	(2.962.634.501)
06	Chi phí lãi vay	21	598.166.666	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.104.284.877	32.468.277.466
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		1.183.514.176	(7.328.198.737)
10	Tăng hàng tồn kho		(63.709.323.606)	(91.445.335.554)
11	Tăng các khoản phải trả		8.525.430.764	37.976.898.294
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		439.715.959	(502.151.371)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.448.683.178)	(1.451.148.726)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		331.542.526	380.972.500
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(364.023.000)	(3.666.602.359)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(37.937.541.482)	(33.567.288.487)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.791.660.790)	(13.887.255.169)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		561.210.836	-
23	Tiền chi cho vay		(26.500.000.000)	(52.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		11.000.000.000	52.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(29.997.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay		138.773.301	2.962.634.501
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(47.588.676.653)	(10.924.620.668)

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		44.755.636.364	-
33	Tiền thu từ đi vay		37.000.000.000	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(136.753.000)	(10.282.220.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		81.618.883.364	(10.282.220.000)
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(3.907.334.771)	(54.774.129.155)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.840.143.214	60.614.503.986
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		688.540	(231.617)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.933.496.983	5.840.143.214

Người lập biểu
Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng
Cao Hoàng Lan



Giám đốc
Lưu Công An

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 185 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 175 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2017, thực hiện Nghị quyết số 19/2017/NQ/STV-HĐQT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thực hiện mua lại 99,99% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long vào ngày 27 tháng 9 năm 2017 và công ty này trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3602398753 ngày 3 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ tám được cấp ngày 13 tháng 7 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 8, xã Hiệp Phước, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 9 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
Dịch vụ gia công dở dang và đã hoàn thành	-	chi phí lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 11 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 11 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	8 – 11 năm
-----------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với một đối tác khác vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 26 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hoạt động gia công

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động gia công được hoàn thành thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa gia công.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty con là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	62.035.899	72.515.743
Tiền gửi ngân hàng	1.871.461.084	4.267.627.471
Các khoản tương đương tiền	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.933.496.983</u>	<u>5.840.143.214</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
<i>Công ty Cổ phần TID</i>	1.396.067.957	1.396.067.957
<i>Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội</i>	1.178.951.610	1.178.951.610
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội</i>	-	1.358.594.055
<i>Công ty TNHH Nội thất Bùi Gia</i>	627.457.396	78.287.401
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	1.701.279.945	2.543.426.719
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	499.589.884	-
TỔNG CỘNG	5.403.346.792	6.555.327.742
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.132.896.473)	(3.887.706.485)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
<i>Marmo Meccanica S.P.A</i>	-	2.668.960.000
<i>Công ty Cổ phần In và Phát triển Quảng cáo Hà Nội</i>	214.579.750	-
<i>Công ty TNHH Công nghiệp 3A</i>	65.450.000	65.450.000
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	46.549.000	155.704.400
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	-	262.277.153
TỔNG CỘNG	326.578.750	3.152.391.553

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản phải thu về cho vay tín chấp đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long với thời gian cho vay là 11 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm. Gốc vay sẽ được hoàn trả vào tháng 11 năm 2018. Lãi vay được thanh toán theo thông báo lãi.

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	159.041.507.619	-	97.835.057.877	-
Công cụ, dụng cụ	1.372.508.778	-	1.924.419.462	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.370.236.590	-	9.650.423.746	-
Thành phẩm	4.088.764.584	-	4.004.407.797	-
Hàng hóa	255.978.194	-	-	-
TỔNG CỘNG	177.128.995.765	-	113.414.308.882	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	24.750.874.059	21.229.742.333	5.833.463.330	472.134.128	52.286.213.850
- Mua trong năm	-	57.260.000	-	47.200.000	104.460.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.044.501.400	2.732.997.395	-	-	3.777.498.795
- Phần loại lại sang bất động sản đầu tư	(1.044.501.400)	-	-	-	(1.044.501.400)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(667.887.273)	-	(667.887.273)
Số cuối năm	24.750.874.059	24.019.999.728	5.165.576.057	519.334.128	54.455.783.972
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	10.180.540.287	1.868.901.512	55.097.673	12.104.539.472
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	15.678.607.305	13.767.098.543	2.414.688.637	101.523.010	31.961.917.495
- Khấu hao trong năm	2.356.367.443	1.999.424.612	601.789.496	90.225.893	5.047.807.444
- Phần loại lại sang bất động sản đầu tư	(48.356.544)	-	-	-	(48.356.544)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(158.004.811)	-	(158.004.811)
Số cuối năm	17.986.618.204	15.766.523.155	2.858.473.322	191.748.903	36.803.363.584
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	9.072.266.754	7.462.643.790	3.418.774.693	370.611.118	20.324.296.355
Số cuối năm	6.764.255.855	8.253.476.573	2.307.102.735	327.585.225	17.652.420.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính*

Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Mua trong năm	3.572.286.800
Số cuối năm	3.572.286.800
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	59.538.113
Số cuối năm	59.538.113
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	3.512.748.687

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VND
Nhà xưởng*

Nguyên giá:	
Số đầu năm	10.104.745.684
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	1.044.501.400
Số cuối năm	11.149.247.084
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	5.216.082.888
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	48.356.544
Khấu hao trong năm	1.000.965.661
Số cuối năm	6.265.405.093
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	4.888.662.796
Số cuối năm	4.883.841.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	29.997.000.000	(3.738.800.148)	-	-
TỔNG CỘNG	29.997.000.000	(3.738.800.148)	-	-

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long được trình bày tại *Thuyết minh số 1*.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này do cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long chưa được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	5.412.642.322	5.654.098.485
Chi phí sửa chữa lớn	704.038.624	726.858.758
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	297.970.974	450.415.785
Chi phí trả trước dài hạn khác	200.990.624	261.515.445
TỔNG CỘNG	6.615.642.544	7.092.888.473

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	2.550.825.910	2.550.825.910	290.387.235	290.387.235
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	44.494.080.071	44.494.080.071	36.379.966.787	36.379.966.787
TỔNG CỘNG	47.044.905.981	47.044.905.981	36.670.354.022	36.670.354.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	697.488.829	570.428.765	(1.448.683.178)	(180.765.584)
Thuế giá trị gia tăng	-	347.035.485	(347.035.485)	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.207.916	385.963.947	(325.812.861)	98.359.002
Thuế nhập khẩu	-	14.761.186	(14.761.186)	-
Thuế nhà thầu	-	36.287.525	(36.287.525)	-
TỔNG CỘNG	735.696.745	1.354.476.908	(2.172.580.235)	(82.406.582)
Trong đó:				
Thuế phải nộp	735.696.745			98.359.002
Thuế phải thu	-			180.765.584

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	598.166.666	-
Cổ tức phải trả	382.399.500	519.152.500
Phải trả khác	98.465.546	10.956.474
TỔNG CỘNG	1.079.031.712	530.108.974

16. VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A, công ty mẹ của Công ty, với thời gian vay là 11 tháng và chịu lãi suất 6%/năm. Gốc vay sẽ được hoàn trả vào ngày 26 tháng 8 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	114.861.025	1.189.290.501
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 18.1)	927.281.954	2.592.172.883
Sử dụng quỹ trong năm	(364.023.000)	(3.666.602.359)
Số cuối năm	678.119.979	114.861.025

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước					Tổng cộng
Số đầu năm	65.127.500.000	-	11.374.287.198	31.780.783.838	108.282.571.036
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.697.092.714	25.697.092.714
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	(2.592.172.883)	(2.592.172.883)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.542.424.460	(1.542.424.460)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(6.512.750.000)	(6.512.750.000)
Giảm khác	-	(60.050.000)	-	-	(60.050.000)
Số cuối năm	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209	124.814.690.867
Năm nay					
Số đầu năm	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209	124.814.690.867
Tăng vốn (*)	44.872.500.000	-	-	-	44.872.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.074.599.933	6.074.599.933
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(927.281.954)	(927.281.954)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	1.969.307.613	(1.969.307.613)	-
Giảm khác	-	(116.863.636)	-	-	(116.863.636)
Số cuối năm	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	50.008.539.575	174.717.645.210

(*) Thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 của đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện phát hành 4.487.250 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

(**) Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng xanh A&A	66.585.890.000	6.658.589	32.923.500.000	3.292.350
Công ty Cổ phần Vicostone	-	-	20.448.000.000	2.044.800
Các cổ đông khác	43.414.110.000	4.341.411	11.756.000.000	1.175.600
TỔNG CỘNG	110.000.000.000	11.000.000	65.127.500.000	6.512.750

18.3 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	6.512.750.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

18.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	6.512.750
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	6.512.750
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>6.512.750</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	6.512.750
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>6.512.750</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	178.969.706.941	149.613.061.026
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	174.943.087.886	146.407.669.400
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.652.264.577	1.738.855.776
<i>Doanh thu dịch vụ gia công và dịch vụ khác</i>	2.374.354.478	1.466.535.850
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	178.969.706.941	149.613.061.026
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	2.378.423.593	21.009.143.082
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	176.591.283.348	128.603.917.944

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền cho vay	201.466.666	2.750.100.001
Lãi tiền gửi	29.056.635	212.534.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	688.540	194.424
	231.211.841	2.962.828.925

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm	156.246.188.733	110.528.357.444
Giá vốn của hàng hóa	1.363.265.154	1.612.940.923
Giá vốn của dịch vụ gia công và dịch vụ khác	1.099.231.264	1.066.662.089
	158.708.685.151	113.207.960.456

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	598.166.666	-
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.738.800.148	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	231.617
	4.336.966.814	231.617

NHỮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.317.075.060	2.173.725.522
Chi phí vận chuyển	-	174.782.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.733.163	-
Chi phí bán hàng khác	79.286.544	395.799.803
	1.428.094.767	2.744.307.728
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	4.126.170.901	4.129.407.311
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	245.189.988	752.663.100
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.230.023.870	1.072.328.759
Chi phí công cụ, dụng cụ	205.794.108	744.184.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	817.851.180	598.214.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.507.772.507	949.325.180
	8.132.802.554	8.246.123.167
TỔNG CỘNG	9.560.897.321	10.990.430.895

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.848.604.519	101.977.324.050
Chi phí nhân công	25.296.686.372	16.694.697.139
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.108.311.217	6.287.227.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.536.166.699	6.910.533.528
Chi phí khác bằng tiền	4.283.983.296	4.634.808.246
	171.073.752.103	136.504.590.134

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019).

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017). Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công trong năm nay là 7,5%.

Đối với các hoạt động khác:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	571.417.164	2.563.715.175
Giảm trừ thuế TNDN năm trước	(988.399)	-
Tăng thuế TNDN năm trước	-	129.982.190
TỔNG CỘNG	<u>570.428.765</u>	<u>2.693.697.365</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.645.028.698	28.390.790.079
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	552.253.614	2.499.190.956
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí dở dang dự án Dolphin không thu được tiền	-	32.437.089
Chi phí thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách	13.625.553	15.780.863
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	46.323
Chi phí khác	5.590.976	16.259.944
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	129.982.190
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh thuế thu nhập các năm trước	(988.399)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(52.979)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>570.428.765</u>	<u>2.693.697.365</u>

24.2 Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicostone (tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS)	Công ty cùng Tập đoàn	Mua phôi đá	135.578.008.490	146.629.755.941
		Bán thành phẩm sản xuất	170.367.845.607	124.428.278.869
		Mua vật tư	1.356.427.797	2.242.738.817
		Bán hàng hóa, vật tư	626.326.707	1.738.855.776
		Cho thuê nhà xưởng	1.038.400.000	960.000.000
		Gia công dọc cạnh đá	203.597.704	247.950.174
		Bán tài sản cố định	510.191.669	-
		Cho thuê xe	92.500.000	15.500.000
		Cổ tức phải trả	-	2.044.800.000
		Cổ tức đã trả	-	3.271.680.000
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	-	52.000.000.000
		Thu lại tiền cho vay ngắn hạn	-	52.000.000.000
		Mua phôi đá	15.680.117.807	15.339.579.110
		Lãi cho vay	-	2.750.100.001
		Bán thành phẩm sản xuất	-	1.107.095.375
		Mua vật tư	39.247.580	117.741.203
		Gia công dọc cạnh và thi công lát nền	110.774.050	25.654.500
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua phôi đá	25.092.216.321	3.536.873.356
		Bán thành phẩm sản xuất và gia công đá mẫu	4.151.839.280	80.583.250
		Cổ tức phải trả	-	3.292.350.000
		Cổ tức đã trả	-	5.267.760.000
		Vay ngắn hạn	37.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	598.166.666	-
		Cho vay ngắn hạn	11.000.000.000	-
		Tắt toán khoản vay	11.000.000.000	-
		Lãi cho vay	109.716.666	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	15.500.000.000	-
		Lãi cho vay	91.750.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí thi công công trình xây dựng	1.166.952.127	464.897.811
		Chuyển tiền thi công công trình xây dựng	1.002.159.301	773.664.745
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật tư	355.236.762	40.501.520
		Chuyển tiền mua vật tư	338.499.878	-

S: 11 H. H. / K/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cân trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Phải thu tiền vật tư	499.589.884	-
			499.589.884	-
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Xây dựng cơ bản	-	262.277.153
			-	262.277.153
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Cho vay tín chấp ngắn hạn	15.500.000.000	-
			15.500.000.000	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty cổ Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	91.750.000	-
			91.750.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng Tập đoàn	Mua phiêu đá	18.025.132.459	36.102.683.362
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua phiêu đá	13.722.975.693	277.283.425
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng tập đoàn	Mua phiêu đá	12.674.500.474	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật tư	52.260.560	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Xây dựng cơ bản	19.210.885	-
			44.494.080.071	36.379.966.787
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả về chi phí lãi vay	598.166.666	-
			598.166.666	-
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	37.000.000.000	-
			37.000.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.405.046.889	1.234.773.492
TỔNG CỘNG	1.405.046.889	1.234.773.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Doanh thu gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh chiếm tỷ trọng 98,44% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê 24.100 m² đất tại Lô A2, khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 12/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê đất này được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	349.450.000	349.450.000
Từ 1 đến 5 năm	1.747.250.000	1.747.250.000
Trên 5 năm	12.021.080.000	12.370.530.000
	14.117.780.000	14.467.230.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng và cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	837.600.000	1.130.500.000
Từ 1 đến 5 năm	156.800.000	720.000.000
	994.400.000	1.850.500.000

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Người lập biểu
Phạm Thị Duyên



Kế toán trưởng
Cao Hoàng Lan



Giám đốc
Lưu Công An

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018